ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4642/UBND-KT	*Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2015*

V/v lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016

Kính gửi:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 3686/BKHĐT-TH ngày 11/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 (bản sao gửi đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan căn cứ chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn nêu trên tổ chức thực hiện việc lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 của tỉnh Đồng Nai đảm bảo đầy đủ, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian quy định, trong đó lưu ý:

- Khẩn trương triển khai hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan trước ngày 30/6/2015.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ theo các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn nêu trên, tổng hợp số liệu dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 của cả tỉnh, tham mưu UBND tỉnh gửi báo cáo Kiểm toán Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31/7/2015 theo quy định tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, thường xuyên trao đổi và tranh thủ ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để quán triệt và thực hiện đúng các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

@ĐiềnKT

Số 02, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
TĐL: (061) 3822501 - FAX: (061) 3823854 - 3824934

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN Số: 32604
Ngày: 15/6/15
Quyển:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3686 /BKHĐT-TH
V/v lập KH đầu tư phát triển năm 2016

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2015

Kính gửi:
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các cơ quan, đơn vị được giao dự toán NSNN (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2016 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015

Các bộ, ngành trung ương và địa phương đánh giá tình hình thực hiện và huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2015. Cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2015 và ước thực hiện cả năm theo từng nguồn vốn. Trong đó lưu ý đối với kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) nguồn NSNN đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2015 để Chính phủ có căn cứ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung kế hoạch theo đúng Nghị quyết của Quốc hội.

2. Các kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015.

3. Các giải pháp, kiến nghị triển khai kế hoạch trong các tháng cuối năm 2015.

Chi tiết thông tin, số liệu thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2015 báo cáo theo biểu mẫu số 1, 2, 10 (áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan trung ương) và biểu mẫu số 5, 6, 10 (áp dụng cho các địa phương) kèm theo văn bản này.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 trong dự thảo Báo cáo trình Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc và dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng các cấp; dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai việc lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 theo các quy định dưới đây.

I. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng lĩnh vực và từng vùng, từng địa phương; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trình cấp có thẩm quyền. Gắn việc xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2016 với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

2. Xác định rõ mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2016.

3. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công; số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Căn cứ dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2015 và ước thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015, khả năng cân đối nguồn vốn trong năm 2016 và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, đề nghị các bộ, ngành và địa phương:

1. Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển kế hoạch năm 2016

a) Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc cơ quan, đơn vị và cấp mình quản lý.

b) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án thuộc các cơ quan, đơn vị và cấp mình quản lý.

c) Các thuận lợi và các khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn trong năm 2016 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2016.

d) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 của bộ, ngành trung ương và địa phương.

Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 theo từng nguồn vốn báo cáo theo biểu mẫu số 1 (áp dụng cho các bộ, ngành trung ương) và biểu mẫu số 5 (áp dụng cho các địa phương) kèm theo văn bản này.

2. Lập kế hoạch đầu tư từ NSNN năm 2016

a) Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016

Trên cơ sở nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; căn cứ những đặc điểm, điều kiện thực tế trong từng ngành, từng địa phương để sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đầu tư và lập kế hoạch đầu tư theo các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

(1) Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm trình cấp có thẩm quyền.

(2) Kế hoạch đầu tư năm 2016 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

(3) Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2016 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án đã dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trình cấp có thẩm quyền.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực hiện theo đúng thứ tự ưu tiên tại Thông báo số 63/TB-VPCP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Ưu tiên đầu tiên bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

+ Ưu tiên thứ hai là bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA, bao gồm các dự án chuyển tiếp và dự án sẽ thực hiện trong 5 năm tới. Riêng đối với danh mục các dự án ODA đưa vào cân đối NSNN, chỉ đưa vào danh mục chương trình, dự án và dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch vốn ODA nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 đối với các chương trình, dự án ký kết Hiệp định hoặc có cam kết với nhà tài trợ trong năm 2015 và dự kiến ký kết 6 tháng đầu năm 2016.

+ Ưu tiên thứ ba là thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn vốn đã ứng trước.

+ Ưu tiên thứ tư là bố trí vốn cho những công trình hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015, nhưng còn thiếu vốn, các công trình chuyển tiếp của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020.

+ Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư và cân đối được nguồn vốn.

- Đối với dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Nằm trong quy hoạch đã được duyệt;

+ Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

+ Có quyết định phê duyệt dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2015;

+ Đã bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

b) Xây dựng danh mục và bố trí vốn NSNN cho từng dự án kế hoạch năm 2016

(1) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, bao gồm vốn đầu tư cho các bộ, ngành trung ương, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho các địa phương:

Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư, các bộ, ngành trung ương, địa phương dự kiến danh mục dự án và mức vốn cho từng dự án theo đúng các nguyên tắc nêu tại điểm a nêu trên.

(2) Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách của địa phương, vốn xổ số kiến thiết và các nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước:

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết (bao gồm cả danh mục các dự án khởi công mới) năm 2016 phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng các nguyên tắc quy định, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Chi tiết danh mục và bố trí vốn NSNN cho từng dự án kế hoạch năm 2016 báo cáo theo biểu mẫu số 3, 4, 8, 9 (áp dụng cho các bộ, ngành trung ương) và biểu mẫu số 4, 7, 8, 9 (áp dụng cho các địa phương) kèm theo văn bản này.

3. Lập kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016

Kế hoạch năm 2016, bố trí số vốn trái phiếu Chính phủ còn lại cho các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn 2012

- 2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2014 - 2016; trong đó phải bố trí đủ nguồn để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ đã ứng trước. Đồng thời, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn, bảo đảm thực hiện dự án đúng tiến độ, sớm đưa công trình vào sử dụng, nâng cao hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

Chi tiết tình hình thực hiện, danh mục dự án và dự kiến mức vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 bố trí cho các dự án giao thông, thủy lợi, y tế được giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 báo cáo theo biểu mẫu số 10, 11, 12 và 13 kèm theo văn bản này.

4. Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu

a) Đề xuất nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm 2016 của chủ chương trình, của các bộ, ngành trung ương và địa phương; trong đó dự kiến vốn theo cơ cấu nguồn, chi tiết đến từng dự án thành phần thuộc chương trình và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Việc đề xuất nhu cầu hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương phải trong khả năng cân đối ngân sách trung ương và thực tế bố trí ngân sách trung ương của những năm trước cho tổng thể chương trình và cho các bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện chương trình.

b) Nguyên tắc bố trí vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm 2016

- Bố trí chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho giai đoạn 5 năm 2016-2020, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thực hiện theo các quy định tại điểm a, khoản 2, Mục II của văn bản này và các quy định nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn đối với từng chương trình theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

Triển khai lập kế hoạch theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng cho các chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn của dự án (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp).

Các chương trình, dự án dự kiến giải ngân trong kế hoạch năm 2016 phải là các chương trình, dự án đã ký kết Hiệp định hoặc có cam kết với nhà tài trợ đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các chương trình, dự án dự kiến sẽ ký kết Hiệp định trong 6 tháng cuối năm 2015 và trong 6 tháng đầu năm 2016. Bố trí kế hoạch vốn ODA năm 2016 cho các dự án phù hợp với tiến độ giải ngân trong các hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ và khả năng bố trí nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án ODA.

C. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Căn cứ các quy định tại Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và các quy định tại văn bản hướng dẫn này, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư theo tiến độ sau:

1. Trước ngày 30 tháng 6 năm 2015, các bộ, ngành trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 theo quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định tại văn bản này.

2. Các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ theo các hướng dẫn nêu trên và dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 31 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong tháng 8 năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức làm việc với các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 (nếu cần thiết).

4. Trước ngày 10 tháng 9 năm 2015, căn cứ kết quả thảo luận tại điểm 3 nêu trên, các bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

5. Trước ngày 20 tháng 9 năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm 2016 trình Thủ tướng Chính phủ.

6. Trước ngày 20 tháng 10 năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các bộ, ngành trung ương và các địa phương dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và năm 2016 theo ngành, lĩnh vực, chương trình; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể.

7. Các bộ, ngành trung ương và địa phương trên cơ sở tổng mức vốn được thông báo, dự kiến mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2015.

8. Trước ngày 30 tháng 11 năm 2015, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2016.

9. Trước ngày 20 tháng 12 năm 2015, căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2016.

10. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2015, các bộ, ngành trung ương và địa phương giao và thông báo kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2015 cho các cấp, các ngành và các đơn vị cơ sở triển khai thực hiện.

Các báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương theo quy định trên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bằng văn bản (2 bản) và gửi qua thư điện tử theo địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn và diaphuong@mpi.gov.vn (đối với kế hoạch của các địa phương).

Do việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư trong thời gian ngắn, khối lượng công việc khá lớn đề nghị các bộ, ngành và địa phương tập trung chỉ đạo, hoàn thành báo cáo đúng thời gian quy định. Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên

trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để quán triệt và thực hiện đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó TTg;
- VPCP;
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).

9230

BỘ TRƯỞNG

Bùi Quang Vinh

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

(Kèm theo Văn bản số: 3686/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước báo cáo:

- Biểu mẫu số 1: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của các bộ, ngành, cơ quan trung ương.

- Biểu mẫu số 2: Tổng hợp tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

- Biểu mẫu số 3: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 4a: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) đưa vào ngân sách trung ương kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 8: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn đầu tư ngân sách trung ương đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Biểu mẫu số 9: Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016 bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Biểu mẫu số 10: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 11: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các dự án giao thông, thủy lợi, y tế.

- Biểu mẫu số 12: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Biểu mẫu số 13: Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển vốn trái phiếu chính phủ năm 2016 bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Biểu mẫu số 14: Dự kiến kế hoạch năm 2016 thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Biểu mẫu số 16: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo:

- Biểu mẫu số 4a: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) đưa vào ngân sách trung ương kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 4b: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) đưa vào ngân sách địa phương kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 5: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của địa phương.

- Biểu mẫu số 6: Tổng hợp tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của các địa phương.

- Biểu mẫu số 7: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu NSTW (vốn trong nước) năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015 của các địa phương.

- Biểu mẫu số 8: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn đầu tư ngân sách trung ương đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Biểu mẫu số 9: Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2016 bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Biểu mẫu số 10: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016.

- Biểu mẫu số 11: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các dự án giao thông, thủy lợi, y tế.

- Biểu mẫu số 12: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Biểu mẫu số 13: Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển vốn trái phiếu chính phủ năm 2016 bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Biểu mẫu số 14: Dự kiến kế hoạch năm 2016 thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Biểu mẫu số 16: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Các cơ quan quản lý Chương trình MTQG:

- Biểu mẫu số 15a: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành và địa phương.

- Biểu mẫu số 15b: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 các chương trình mục tiêu quốc gia theo các dự án thành phần.

Các biểu mẫu nêu trên có thể tải về tại địa chỉ www.mpi.gov.vn

Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ...

Biểu mẫu số 1

(Biểu mẫu áp dụng cho bộ, ngành cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty được bố trí kế hoạch đầu tư cho một số nhiệm vụ cụ thể)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ	Năm 2015									Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Kế hoạch được giao			Thực hiện từ 1/1/2015 đến 30/6/2015			Ước thực hiện năm 2015			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																
1	**Vốn NSNN**																
2	**Vốn trái phiếu Chính phủ**																
3	**Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước**																
4	**Vốn doanh nghiệp nhà nước**																
5	**Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN (ghi cụ thể từng nguồn vốn)**																
6	**Các nguồn vốn khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)**																

Bộ, ngành .....

Biểu mẫu số 2

(Biểu mẫu áp dụng cho các bộ, ngành cơ quan Trung ương)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2016 CỦA CÁC BỘ, NGÀNH CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Năm 2015							Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch năm 2016			
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016			Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Dự kiến kế hoạch năm 2016		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ															
I	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**															
1	**Ngành, lĩnh vực**															
	Dự án															
	Dự án															
	.....															
2	**Ngành, lĩnh vực**															
	Dự án															
	Dự án															
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**															
1	**Ngành, lĩnh vực, chương trình ...**															
a	Dự án khởi công mới															

STT	Ngành, lĩnh vực	Năm 2015							Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch năm 2016			
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016			Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Dự kiến kế hoạch năm 2016		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	- Trong đó: dự án đồng thời hoàn thành ngay trong năm kế hoạch															
b	Dự án đã hoàn thành từ các năm trước và dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch															
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước															
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch															
d	Dự án dừng không bố trí vốn															
	Trong đó:															
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật															
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư															
2	**Ngành, lĩnh vực, chương trình ...**															
	PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC II NÊU TRÊN															

Bộ, ngành .....

Biểu mẫu số 3

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2016			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Ước giải ngân từ 1/1/2015 đến 31/1/2016				Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ																								
A	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**																								
I	**Ngành/ Lĩnh vực ...**																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
II	**Ngành/ Lĩnh vực ...**																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
B	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**																								
I	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																								
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**																								
a	***Dự án nhóm A***																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2016			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Ước giải ngân từ 1/1/2015 đến 31/1/2016				Tổng số	Trong đó:				Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
...	.....																								
b	***Dự án nhóm B***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
c	***Dự án nhóm C***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016**																								
a	***Dự án nhóm A***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
b	***Dự án nhóm B***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
c	***Dự án nhóm C***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016**																								
a	***Dự án nhóm A***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
b	***Dự án nhóm B***																								
1	Dự án ...																								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2016			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Ước giải ngân từ 1/1/2015 đến 31/1/2016				Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
...	.....																								
c	***Dự án nhóm C***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
(4)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**																								
a	***Dự án nhóm A***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
b	***Dự án nhóm B***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
c	***Dự án nhóm C***																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																								
...	**PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN**																								

Ghi chú: Phân loại các dự án nhóm A, B, C theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP đối với các dự án đã được giao kế hoạch từ năm 2014 trở về trước; phân loại theo quy định tại Luật Đầu tư công đối với các dự án giao kế hoạch từ năm 2015.

Bộ, ngành/ Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 4a

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các dự án sử dụng vốn ODA)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2014					KH năm 2015					Ước giải ngân kế hoạch 2015 từ 1/1/2015 đến 31/1/2016[3]					Dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch năm 2016							Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT					Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng					
									Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]			Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó				
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP				NSTW	TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
	TỔNG SỐ																																							
I	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																																							
1	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
(2)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
c	***Dự án nhóm C***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
2	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
c	***Dự án nhóm C***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
3	***Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2014					KH năm 2015					Ước giải ngân kế hoạch 2015 từ 1/1/2015 đến 31/1/2016[3]					Dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch năm 2016							Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT					Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					Vốn đối ứng					
									Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]			Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	NSTW	TPCP	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	NSTW	TPCP	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	NSTW	TPCP	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	NSTW	TPCP	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	NSTW		TPCP		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
c	*Dự án nhóm C*																																									
(1)	Dự án ...																																									
...	.....																																									
A	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2016*																																									
a	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2016*																																									
(1)	Dự án ...																																									
...	.....																																									
b	*Dự án nhóm B*																																									
(1)	Dự án ...																																									
...	.....																																									
c	*Dự án nhóm C*																																									
(1)	Dự án ...																																									
...	.....																																									
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																																									
...	**Phân loại như trên**																																									

Ghi chú:

- (1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng

- (2) Số vốn nước ngoài (tính bằng nguyên tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định.
Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

- (3) Riêng số vốn TPCP báo cáo ước thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2014 từ 01/01/2015 đến 30/6/2016

Bộ, ngành/ Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 4b

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các dự án sử dụng vốn ODA)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Lưu ý các dự án này không được giao vốn nước ngoài trong kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN)

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2014					KH năm 2015					Ước giải ngân kế hoạch 2015 từ 1/1/2015 đến 31/1/2016[3]					Dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch năm 2016							Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT					Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
									Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]			Tổng số	Trong đó				Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó			
									Tổng số	Trong đó: NSĐP	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: NSĐP	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		NSTW	TPCP			NSTW	TPCP				Tổng số	Trong đó: NSĐP	TPCP			Tổng số	NSĐP		TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
	TỔNG SỐ																																							
1	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																																							
I	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
(2)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
c	***Dự án nhóm C***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
2	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
c	***Dự án nhóm C***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
3	***Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016***																																							
a	***Dự án nhóm A***																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	***Dự án nhóm B***																																							
(1)	Dự án ...																																							

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết KH năm 2014					KH năm 2015					Ước giải ngân kế hoạch 2015 từ 1/1/2015 đến 31/1/2016[3]					Dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch năm 2016							Ghi chú
							Số quyết định	TMĐT					Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng					
									Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]				Vốn đối ứng[1]		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[2]			Tổng số	Trong đó				Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó			
									Tổng số	Trong đó: NSĐP	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: NSĐP	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			NSTW	TPCP			NSTW	TPCP			Tổng số	Trong đó: NSĐP	TPCP			Tổng số	NSĐP		TPCP			Tổng số	NSĐP	TPCP		
	.....																																							
c	*Dự án nhóm C*																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
4	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2016*																																							
a	*Danh mục dự án khởi công mới năm 2014*																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
b	*Dự án nhóm B*																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
c	*Dự án nhóm C*																																							
(1)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
II	**Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....**																																							
...	**Phân loại như trên**																																							

Ghi chú:

- (1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng

- (2) Số vốn nước ngoài (tính bằng nguyên tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định.
Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

- (3) Riêng số vốn TPCP báo cáo ước thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2014 từ 01/01/2015 đến 30/6/2016

Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 5

(Biểu mẫu áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2015									Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016			Ghi chú
		Kế hoạch giao			Thực hiện từ 1/1/2015 đến 30/6/2015			Ước thực hiện năm 2015			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																
1	**Vốn NSNN**																
	Trong đó:																
a)	Đầu tư phát triển trong cân đối NSĐP																
	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất																
b)	Hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW																
2	**Vốn trái phiếu Chính phủ**																
3	**Vốn trái phiếu chính quyền địa phương**																
4	**Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước**																
5	**Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương** *(ghi cụ thể nguồn vốn)*																
	Trong đó:																
	- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết																

STT	Nguồn vốn	Năm 2015									Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016			Ghi chú
		Kế hoạch giao			Thực hiện từ 1/1/2015 đến 30/6/2015			Ước thực hiện năm 2015			Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài							
	- Các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư																
	……																
6	**Vốn doanh nghiệp nhà nước**																
7	**Đầu tư trực tiếp nước ngoài**																
	Trong đó:																
	- Phần vốn trong nước đóng góp																
	- Phần góp vốn nước ngoài																
8	**Vốn tư nhân và dân cư**																
9	**Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư**																
10	**Đầu tư từ các nguồn vốn khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)**																

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương .....

Biểu mẫu số 6

(Biểu mẫu áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN NĂM 2016 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2015								Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016			
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016				Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Số DA	Số vốn	Trong đó			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
								Trong nước	Nước ngoài								
I	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18
	TỔNG SỐ																
A	**CÂN ĐỐI NSĐP**																
I	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**																
	Dự án.....																
	Dự án.....																
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**																
a	Dự án khởi công mới																
	- Trong đó: dự án hoàn thành ngay trong năm kế hoạch																
b	Dự án đã hoàn thành từ các năm trước và dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch																
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước																

STT	Nguồn vốn	Năm 2015								Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016			
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016				Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Số DA	Số vốn	Trong đó			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
								Trong nước	Nước ngoài								
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch (không bao gồm dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật)																
d	Dự án dừng không bố trí vốn																
	Trong đó:																
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật																
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																
B	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW**																
1	**Chương trình .....**																
a	Dự án khởi công mới																
	- Trong đó: dự án hoàn thành ngay trong năm kế hoạch																
b	Dự án đã hoàn thành từ các năm trước và dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch																
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước																
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch (không bao gồm dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật)																
d	Dự án dừng không bố trí vốn																
	Trong đó:																

STT	Nguồn vốn	Năm 2015								Dự kiến KH đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016			
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2016				Tổng số DA	Số vốn kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Tổng số DA	Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Số DA	Số vốn	Trong đó			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
								Trong nước	Nước ngoài								
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật																
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																
2	**Chương trình .....**																
	PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC B NÊU TRÊN																

Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 7

(Biểu mẫu áp dụng cho các tỉnh, thành phố có dự án sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/1/2016				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*		
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ																										
I	**Chương trình ...**																										
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**																										
a	*Dự án nhóm A*																										
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
...	.....																										
b	*Dự án nhóm B*																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
c	*Dự án nhóm C*																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2016**																										
a	*Dự án nhóm A*																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016				Ghi chú
						TMĐT			TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/1/2016					Trong đó: NSTW				Trong đó: NSTW			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	*Trong đó:*		
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
b	***Dự án nhóm B***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
c	***Dự án nhóm C***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016**																										
a	***Dự án nhóm A***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
b	***Dự án nhóm B***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
c	***Dự án nhóm C***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
(4)	**Các dự án khởi công mới năm 2016**																										
a	***Dự án nhóm A***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
b	***Dự án nhóm B***																										
1	Dự án ...																										
...	.....																										
c	***Dự án nhóm C***																										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2015						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2016				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/12/2015		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2015 đến 31/1/2016				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	*Thanh toán nợ XDCB*			*Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW*	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
I	Dự án ...																										
...	.....																										
II	**Chương trình ...**																										
...	**PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN**																										

Ghi chú: Phân loại các dự án nhóm A, B, C theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP đối với các dự án đã được giao kế hoạch từ năm 2014 trở về trước; phân loại theo quy định tại Luật Đầu tư công đối với các dự án giao kế hoạch từ năm 2015.

Bộ, ngành/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 8

(Áp dụng cho các bộ và địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn đầu tư NSTW nhưng chưa bố trí hoàn trả)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐẾN NAY CHƯA BỐ TRÍ NGUỒN ĐỂ THU HỒI

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Số vốn đã bố trí trong kế hoạch hàng năm (không bao gồm số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước)		Số vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước (Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành)	Thời gian cho phép giải ngân số vốn ứng trước (ghi rõ ngày, tháng, năm được TTCP cho phép giải ngân số ứng trước)	Giải ngân số vốn NSTW ứng trước đến hết thời gian quy định	Số vốn NSTW đã thu hồi trong kế hoạch các năm	Số vốn NSTW ứng trước còn lại chưa bố trí hoàn trả	Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 để thu hồi vốn ứng trước	Dự kiến kế hoạch năm 2016 để thu hồi vốn ứng trước	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=14-15	17	18	19
	TỔNG SỐ																	
I	**Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....**																	
(1)	Dự án ...																	
(2)	Dự án ...																	
...	.....																	
II	**Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....**																	
(1)	Dự án ...																	
(2)	Dự án ...																	
...	.....																	
III	**Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....**																	
...	.....																	

AL4

Bộ, ngành/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 9

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN NĂM 2016 BỐ TRÍ ĐỂ THANH TOÁN NỢ ĐỌNG XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHDT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2014(1)				Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2014		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/01/2015			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014(2)				Kế hoạch 2015							Dự kiến bố trí vốn KH trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền		Dự kiến bố trí vốn KH đầu tư năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Kế hoạch năm 2015 được giao				Trong đó: bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản				Số dư án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ	Số dư án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Dự kiến bố trí KH năm 2016 để thanh toán khối lượng nợ	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác					
							NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác																									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	TỔNG SỐ																																		
A	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**																																		
I	**Ngành/ Lĩnh vực ...**																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
II	**Ngành/ Lĩnh vực ...**																																		
1	Dự án ...																																		
...	.....																																		
B	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**																																		
I	**Ngành, lĩnh vực .....**																																		
(1)	***Các dự án hoàn thành, đã bàn giao***																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(2)	***Các dự án đang triển khai thực hiện***																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án																																		
...	.....																																		
II	**Ngành, Lĩnh vực.....**																																		
...	**Phân loại như trên**																																		
C	**ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ**																																		
I	**Chương trình .....**																																		
(1)	***Các dự án hoàn thành, đã bàn giao***																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án ...																																		
...	.....																																		
(2)	***Các dự án đang triển khai thực hiện***																																		
1	Dự án ...																																		
2	Dự án																																		
...	.....																																		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2014[1]				Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2014		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/01/2015			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014[2]				Kế hoạch 2015								Dự kiến bố trí vốn KH trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền		Dự kiến bố trí vốn KH đầu tư năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Kế hoạch năm 2015 được giao				Trong đó: bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản				Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KH để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Dự kiến bố trí KH năm 2016 để thanh toán khối lượng nợ	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác															NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác					
II	**Chương trình .....**																																		
...	**Phân loại như trên**																																		

Ghi chú:

- (1) Lũy kế số vốn đã bố trí và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 và số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSĐP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng hết năm 2014 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- (2) Theo hướng dẫn tại văn bản số 3137/BKHĐT-TH ngày 22/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ/Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 10

(Biểu mẫu áp dụng cho bộ, ngành cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN TPCP NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Năm 2015									Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền			Dự kiến kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Kế hoạch giao			Thực hiện từ 01/01/2015 đến 30/6/2015			Ước thực hiện từ 01/01/2015 đến hết thời hạn thực hiện theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch của TTgCP									
		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		Tổng số	*Trong đó:*		
			TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																
1	**Giao thông**																
2	**Thủy lợi**																
3	**Y tế**																
	Trong đó:																
	- Bệnh viện trung ương, tuyến tỉnh																
	- Bệnh viện tuyến huyện																
4	**Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La**																
5	**Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA**																
6	**Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới**																

Bộ/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 11

(Áp dụng cho các bộ và địa phương có danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011 - 2015)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG, THỦY LỢI, Y TẾ

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch TPCP năm 2012 của TTgCP						Quyết định đầu tư cập nhật hoặc điều chỉnh được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến KH năm 2015				Ước giải ngân kế hoạch năm 2015 từ 1/1/2015 đến hết thời hạn quy định		Dự kiến kế hoạch năm 2016			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP			Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
										Tổng số	*Điều chỉnh do tăng giá*	*Thay đổi giải pháp kỹ thuật*	*Điều chỉnh tăng quy mô*					Giai đoạn 2012-2015	Bổ sung giai đoạn 2014-2016		Tổng số	*KH vốn TPCP đã giao các năm 2012, 2013 và 2014*	*KH vốn TPCP đã giao năm 2015*				Tổng số	*Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG SỐ																												
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**																												
1	**Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2015**																												
(1)	Dự án ...																												
(2)	Dự án ...																												
...	.....																												
2	**Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2016**																												
(1)	Dự án ...																												
...	.....																												
3	**Danh mục dự án quan trọng, trọng điểm**																												
(1)	Dự án ...																												
...	.....																												
4	**Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2016**																												
(1)	Dự án ...																												
...	.....																												
5	**Danh mục các dự án giãn, hoãn tiến độ thực hiện, bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý**																												
(1)	Dự án ...																												
...	.....																												
II	**NGÀNH THỦY LỢI**																												
	Phân loại như trên																												

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch TPCP năm 2012 của TTgCP						Quyết định đầu tư cập nhật hoặc điều chỉnh được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến KH năm 2015				Ước giải ngân kế hoạch năm 2015 từ 1/1/2015 đến hết thời hạn quy định		Dự kiến kế hoạch năm 2016			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP			Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
										Tổng số	*Điều chỉnh do tăng giá*	*Thay đổi giải pháp kỹ thuật*	*Điều chỉnh tăng quy mô*					Giai đoạn 2012-2015	Bổ sung giai đoạn 2014-2016		Tổng số	*KH vốn TPCP đã giao các năm 2012, 2013 và 2014*	*KH vốn TPCP đã giao năm 2015*				Tổng số	*Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước*	
III	**NGÀNH Y TẾ**																												
1	*Bệnh viện tuyến huyện*																												
	Phân loại như trên																												
2	*Bệnh viện tuyến tỉnh*																												
	Phân loại như trên																												

Bộ/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 12

(Áp dụng cho các bộ và địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn TPCP nhưng chưa bố trí vốn hoàn trả)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ỨNG TRƯỚC VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ ĐẾN NAY CHƯA BỐ TRÍ NGUỒN ĐỂ THU HỒI

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Số vốn TPCP đã bố trí trong kế hoạch hàng năm (không bao gồm số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước)	Số vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước (Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành)	Thời gian cho phép giải ngân số vốn ứng trước (ghi rõ ngày, tháng, năm được TTCP cho phép giải ngân số ứng trước)	Giải ngân số vốn TPCP ứng trước đến hết thời gian quy định	Số vốn TPCP đã thu hồi trong kế hoạch các năm	Số vốn TPCP ứng trước còn lại chưa bố trí hoàn trả	Dự kiến kế hoạch 2016 để thu hồi vốn ứng trước	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=13-14	16	17
	TỔNG SỐ															
I	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH ...**															
(1)	Dự án ...															
(2)	Dự án ...															
...	.....															
II	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH ...**															
(1)	Dự án ...															
(2)	Dự án ...															
...	.....															

Bộ, ngành/Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu số 13

(Áp dụng cho các bộ, ngành và và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2016 BỐ TRÍ ĐỂ THANH TOÁN NỢ ĐỌNG XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2014[1]			KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015	KH vốn TPCP bổ sung giai đoạn 2014-2016	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2014		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/01/2015			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014[2]			Kế hoạch 2015						Dự kiến bố trí vốn KH vốn TPCP năm 2016		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Kế hoạch năm 2015 được giao			Trong đó: bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản			Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Nhu cầu KH vốn TPCP năm 2016 để thanh toán khối lượng nợ	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			TPCP	Các nguồn vốn khác					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							TPCP	Các nguồn vốn khác															TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	21	22	13	14	15	16	17	18	19	20	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ																													
I	**Ngành, lĩnh vực, chương trình .....**																													
(1)	***Các dự án hoàn thành, đã bàn giao***																													
1	Dự án ...																													
2	Dự án ...																													
...	.....																													
(2)	***Các dự án đang triển khai thực hiện***																													
1	Dự án ...																													
...	.....																													
II	**Ngành, lĩnh vực, chương trình .....**																													
...	**Phân loại như trên**																													

Ghi chú:

(1) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014, và số vốn cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với số vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định), nhưng hết năm 2014 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

(2) Theo hướng dẫn tại văn bản số 3137/BKHĐT-TH ngày 22/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ, ngành/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 14

(Biểu mẫu áp dụng cho bộ, ngành cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ (PPP)

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020				Dự kiến kế hoạch năm 2016				Ghi chú
				Vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước(*)		Vốn nhà nước chuẩn bị dự án	Vốn do nhà thầu tự huy động	Vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước(*)		Vốn nhà nước chuẩn bị dự án	Vốn do nhà thầu tự huy động	
				NSTW hỗ trợ	NSĐP tự cân đối			NSTW hỗ trợ	NSĐP tự cân đối			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ											
1	Dự án ...											
2	Dự án ...											
...	.....											

Ghi chú: Trong trường hợp phần tham gia của Nhà nước bằng các tài sản vật chất thì vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước là giá trị tài sản vật chất được lượng hóa bằng tiền

21

Biểu mẫu số 15a

Cơ quan quản lý Chương trình MTQG.....

(Biểu mẫu áp dụng cho cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA[1] CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	KH và bổ sung vốn năm 2015 được cấp có thẩm quyền quyết định										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến 30/6/2015										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến hết thời gian quy định (3)										Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020										Nhu cầu kế hoạch năm 2016									
		Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:								
			NSNN										NSNN										NSNN										NSNN										NSNN								
			NSTW				NSĐP		TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSTW				NSĐP		TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSTW				NSĐP		TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSTW				NSĐP		TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSTW				NSĐP		TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
			ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN			
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
	TỔNG SỐ																																																	
1	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																																
	TRUNG ƯƠNG																																																
1	Bộ, cơ quan Trung ương																																																
2	Bộ, cơ quan Trung ương.....																																																
	.....																																																
	ĐỊA PHƯƠNG																																																
1	Tỉnh, thành phố																																																
2	Tỉnh, thành phố																																																
	.....																																																
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																																
	Phân loại như trên																																																

Ghi chú:

(1) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 đối với tất cả các chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

(2) Tổng số bao gồm tất cả các nguồn vốn (NSTW, NSĐP, vốn tín dụng, huy động các nguồn vốn khác)

(3) Thời gian thực hiện thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN và TPCP đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016; thời gian giải ngân vốn sự nghiệp đến hết 31/01/2016

Cơ quan quản lý Chương trình MTQG.....

Biểu mẫu số 15b

(Biểu mẫu áp dụng cho cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA[1] THEO CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số: 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	KH và bổ sung vốn năm 2015 được cấp có thẩm quyền quyết định										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến 30/6/2015										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến hết thời gian quy định (3)										Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020										Nhu cầu kế hoạch năm 2016									
		Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:								
			NSNN					TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác			NSNN					TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác			NSNN					TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác			NSNN					TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác			NSNN					TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
			NSTW				NSĐP						NSTW				NSĐP						NSTW				NSĐP						NSTW				NSĐP						NSTW				NSĐP			
			ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN		
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
	TỔNG SỐ																																																	
I	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																																	
1	Dự án thành phần...																																																
2	Dự án thành phần...																																																
	.....																																																
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																																	
	Phân loại như trên																																																

Ghi chú:

(1) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 đối với tất cả các chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

(2) Tổng số bao gồm tất cả các nguồn vốn (NSTW, NSĐP, vốn tín dụng, huy động các nguồn vốn khác)

(3) Thời gian thực hiện thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN và TPCP đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016; thời gian giải ngân vốn sự nghiệp đến hết 31/01/2016

Bộ, ngành/Tỉnh, thành phố.....

Biểu mẫu số 16

(Biểu mẫu áp dụng cho cơ quan thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2016 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA[1]

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số: 3686 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	KH và bổ sung vốn năm 2015 được cấp có thẩm quyền quyết định										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến 30/6/2015										Ước giải ngân từ 01/01/2015 đến hết thời gian quy định (3)										Dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020										Nhu cầu kế hoạch năm 2016									
		Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:									Tổng số (2)	Trong đó:								
			NSNN						TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSNN						TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSNN						TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSNN						TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác		NSNN						TPCP	Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
			NSTW				NSDP						NSTW				NSDP						NSTW				NSDP						NSTW				NSDP						NSTW				NSDP			
			ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN					ĐTPT		SN		ĐTPT	SN		
			Trong nước		Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
	TỔNG SỐ																																																	
I	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																																
1	Dự án thành phần...																																															
2	Dự án thành phần...																																															
	.....																																															
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG.....**																																															
	Phân loại như trên																																															

Ghi chú:

(1) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 đối với tất cả các chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 và dự kiến kế hoạch năm 2016 của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

(2) Tổng số bao gồm tất cả các nguồn vốn (NSTW, NSDP, vốn tín dụng, huy động các nguồn vốn khác)

(3) Thời gian thực hiện thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN và TPCP đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016; thời gian giải ngân vốn sự nghiệp đến hết 31/01/2016